

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt điều chỉnh dự án thành phần, Dự án “Hiện đại hóa
ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển”
tại tỉnh Quảng Bình**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2014 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2014 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; Nghị định 132/NĐ-CP ngày 21/01/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ Thông tư số 111/2016/TT-BTC ngày 30/06/2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý tài chính đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ Quyết định số 548/QĐ-TTg ngày 21/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án “Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển”;

Căn cứ Quyết định số 1658/QĐ-BNN-HTQT ngày 04/5/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt đầu tư dự án “Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển”;

Căn cứ Quyết định số 3983/QĐ-UBND ngày 02/11/2017 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt dự án thành phần, dự án “Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển” tại tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Hiệp định tài trợ số 6079-VN ngày 03/8/2018 giữa Chính phủ Việt Nam và Hiệp hội phát triển quốc tế (IDA) về Dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển;

Căn cứ Quyết định số 1387/QĐ-TTg ngày 23/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung chủ trương đầu tư Dự án “Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển”;

Căn cứ Quyết định số 286/QĐ-BNN-HTQT ngày 21/01/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1658/QĐ-BNN-HTQT ngày 04/5/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt đầu tư dự án “Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển”;

Căn cứ Văn bản số 67/HĐND-VP ngày 07/6/2019 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về vốn đối ứng thực hiện Dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển tỉnh Quảng Bình.

Căn cứ Văn bản số 326a/BC-SNN-KL ngày 27/02/2019 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc báo cáo kết quả thẩm định điều chỉnh Dự án thành phần, Dự án “Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển” (FMCR) tỉnh Quảng Bình;

Xét Tờ trình số 1788/SNN-KL ngày 16/8/2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT về trình phê duyệt điều chỉnh dự án thành phần, Dự án “Hiện đại hóa ngành lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển” tại tỉnh Quảng Bình;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 2416/KHĐT-ĐN ngày 03/9/2019 và các văn bản số 746/STC-NS ngày 18/03/2019, 2528/STC-NS ngày 12/8/2019 của Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh dự án thành phần, Dự án “Hiện đại hóa ngành lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển” tại tỉnh Quảng Bình, với các nội dung sau:

1. Điều chỉnh, bổ sung nội dung đầu tư tại mục b, Điểm 4.2, Khoản 4, Điều 1 Quyết định số 3983/QĐ-UBND ngày 02/11/2017 của UBND tỉnh như sau:

Nội dung	Giá trị đã phê duyệt	Giá trị điều chỉnh, bổ sung
a. Điều chỉnh kết quả chính Hợp phần 3:		
- Cung cấp khoảng 32 gói đầu tư được xác định thông qua quá trình lựa chọn cạnh tranh nhằm tạo lợi ích bền vững cho cộng đồng ven biển từ kết hợp giữa bảo vệ rừng và phát triển sinh kế.	Giá trị trung bình 95.000 USD/gói.	Giá trị ban đầu khoảng 10.000 USD/gói.
- Hỗ trợ 06 gói nâng cấp các cơ sở hạ tầng quan trọng phục vụ sản xuất, chế biến và tiếp thị hàng hóa, dịch vụ từ các khu rừng ven biển nhằm gia tăng lợi ích kinh tế và thiết lập liên kết các hoạt động tạo thu nhập của các nhóm hộ cộng đồng địa phương tham gia bảo vệ rừng ven biển, ven sông.	Giá trị trung bình 394.000 USD/gói.	Giá trị không quá 600.000 USD/gói.
b. Bổ sung kết quả chính Hợp phần 3:		

- Cung cấp ít nhất 12 gói đầu tư công nghệ phục vụ phát triển sản xuất thông qua quá trình lựa chọn cạnh tranh nhằm tạo chuỗi giá trị sản phẩm nông, lâm, ngư nghiệp đảm bảo an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc và kiểm soát dịch bệnh cho các hợp tác xã, liên kết hợp tác xã, tổ hợp tác sản xuất từ đó làm tăng thu nhập của người dân ven biển, ven sông tham gia quản lý rừng bền vững.	Không	Giá trị không quá 400.000 USD/gói.
--	-------	------------------------------------

2. Điều chỉnh thời gian thực hiện dự án tại Khoản 5, Điều 1 Quyết định số 3983/QĐ-UBND ngày 02/11/2017 của UBND tỉnh như sau:

- Thời gian thực hiện dự án đã phê duyệt: 06 năm (2017 – 2023).
- Thời gian thực hiện dự án điều chỉnh: Từ năm 2018 đến 2023.

3. Điều chỉnh nội dung “Giải pháp thiết kế trồng rừng, thiết kế cơ sở công trình” tại Khoản 8, Điều 1 Quyết định số 3983/QĐ-UBND ngày 02/11/2017 của UBND tỉnh:

“Thiết kế kỹ thuật đối với công trình lâm sinh, công trình cơ sở hạ tầng lâm sinh và các gói đầu tư tạo lợi ích từ rừng ven biển: Thực hiện theo quy định tại Sổ tay thực hiện Dự án được phê duyệt tại Quyết định số 288/QĐ-BNN-HTQT ngày 21/01/2019 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn và được cụ thể hóa tại bước thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình.

4. Điều chỉnh tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn tại Khoản 10, Điều 1 Quyết định số 3983/QĐ-UBND ngày 02/11/2017 của UBND tỉnh như sau:

ĐVT: 1.000 USD

TT	Nguồn vốn	Đã được phê duyệt	Điều chỉnh, bổ sung	tăng/giảm
I	Tổng mức đầu tư:	22.011	21.982	-29
II	Cơ cấu nguồn vốn:			
1	Nguồn vốn vay WB:	19.500	17.689	-1.811
-	Ngân sách trung ương cấp phát:	17.534	15.912	-1.622
-	Tỉnh vay lại:	1.966	1.777	-189
2	Nguồn vốn đối ứng:	2.511	4.293	+1.782
-	Ngân sách trung ương cấp phát:	0	932	+932
-	Ngân sách tỉnh tự cân đối:	2.511	3.361	+850
+	<i>Vốn Đầu tư phát triển</i>	<i>811,12</i>	<i>1.372</i>	<i>+560,88</i>
+	<i>Vốn Hành chính sự nghiệp</i>	<i>1.699,88</i>	<i>1.989</i>	<i>+289,12</i>

“10.1 Tổng mức đầu tư điều chỉnh: 21,982 triệu USD.

- Phân bổ vốn theo hợp phần, như sau: *hu*

DVT: 1.000 USD

T T	Các Hợp phần	Tổng nguồn vốn	Vốn vay WB		Vốn đối ứng		
			NSTW	Vay lại	NSTW	NSDP	
						ĐTPT	HCSN
1	Hợp phần 2: Phát triển và phục hồi rừng ven biển	13.423	11.224	605	932	472	190
2	Hợp phần 3: Tạo lợi ích bền vững từ rừng ven biển	6.789	4.478	1.120	0	785	406
3	Hợp phần 4: Quản lý, giám sát & đánh giá dự án:	1.770	210	52	0	115	1.393
4	Tổng cộng	21.982	15.912	1.777	932	1.372	1.989

10.2 Cơ cấu nguồn vốn:

- Nguồn vốn IDA của WB (17.689.000 USD): Ngân sách Trung ương cấp phát một phần và địa phương vay lại một phần từ nguồn vốn vay ưu đãi của Hiệp hội phát triển quốc tế (IDA) của Ngân hàng Thế giới (WB), cụ thể:

+ *Ngân sách Trung ương cấp phát (15.912.000 USD)*: Ngân sách Trung ương cấp phát 100% với tổng kinh phí 8.806.000 USD đối với các hoạt động trồng mới và phục hồi rừng (Hợp phần 2). Ngân sách Trung ương cấp phát 80% với tổng kinh phí 7.106.000 USD đối với các hoạt động: Đóng mốc ranh giới rừng, thiết lập hồ sơ giao rừng, trồng cây phân tán và đầu tư cho các công trình bảo vệ rừng của Hợp phần 2, Hợp phần 3 và chi trả lương cho chuyên gia môi trường, an toàn xã hội của Hợp phần 4.

+ *Tinh vay lại 20% (1.777.000 USD)*: Đối với các hoạt động đóng mốc ranh giới rừng, thiết lập hồ sơ giao rừng, trồng cây phân tán và đầu tư cho các công trình bảo vệ rừng của Hợp phần 2 và Hợp phần 3 và chi trả lương cho chuyên gia môi trường, an toàn xã hội của Hợp phần 4.

- *Nguồn vốn đối ứng (4.293.000 USD)*: Gồm ngân sách Trung ương cấp phát (932.000 USD) và ngân sách địa phương tự cân đối từ nguồn sự nghiệp và đầu tư phát triển (3.361.000 USD), cụ thể:

+ *Ngân sách Trung ương cấp phát: 932.000 USD*, để thanh toán các chi phí: thẩm tra, thẩm định; nghiệm thu, giám sát và các loại thuế, phí của hoạt động trồng mới và phục hồi rừng tại Hợp phần 2.

+ *Vốn đầu tư phát triển: 1.372.000 USD*. Sử dụng để chi trả cho các hoạt động chuẩn bị đầu tư, nghiệm thu, giám sát của hoạt động bảo vệ rừng, rừng cộng đồng; hỗ trợ thực hiện các gói đầu tư công nghệ và cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất; nâng cấp văn phòng làm việc và mua sắm trang thiết bị; các loại thuế, phí.

+ *Vốn sự nghiệp: 1.989.000 USD*. Sử dụng để chi trả các hoạt động: Thực hiện các gói đầu tư tạo ra lợi ích từ rừng ven biển; thanh toán thuế thu nhập cá nhân

cho các chuyên gia an toàn xã hội và môi trường; hội thảo, tập huấn, hỗ trợ kỹ thuật, nâng cao năng lực; trả lương, phụ cấp và chi phí hoạt động thường xuyên của dự án.”

5. Điều chỉnh nội dung Khoản 11, Điều 1 Quyết định số 3983/QĐ-UBND ngày 02/11/2017 của UBND tỉnh như sau:

“11. Hình thức quản lý Dự án: UBND tỉnh thành lập Ban Quản lý Dự án để triển khai thực hiện Dự án thành phần trên địa bàn tỉnh.”

6. Bổ sung nội dung Điều 2 Quyết định số 3983/QĐ-UBND ngày 02/11/2017 của UBND tỉnh như sau:

“ Phối hợp với Ban quản lý Dự án Hợp phần 1 thực hiện các hoạt động của Hợp phần 1 tại địa phương.”

7. Ngoài các nội dung điều chỉnh, các nội dung còn lại tại Quyết định số 3983/QĐ-UBND ngày 02/11/2017 của UBND tỉnh vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành.

Lý do điều chỉnh:

- Về tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn: Theo kết quả đàm phán Hiệp định, các bên đã thống nhất chuyển nguồn vốn vay sang sử dụng vốn đối ứng thanh toán thuế và các loại phí để phù hợp với quy định hiện hành.

- Về điều chỉnh, bổ sung kết quả Hợp phần 3: Nhằm tận dụng tối đa nguồn vốn vay Ngân hàng Thế giới cho Dự án, sau khi chuyển nguồn vốn vay sang sử dụng vốn đối ứng để thanh toán thuế và các loại phí.

- Về thời gian thực hiện: Điều chỉnh cho phù hợp với thực tế đàm phán, ký kết và thực hiện dự án.

- Về giải pháp thiết kế trồng rừng, thiết kế cơ sở công trình của Dự án đã được hướng dẫn và quy định tại Sổ tay thực hiện Dự án được phê duyệt tại Quyết định số 288/QĐ-BNN-HTQT ngày 21/01/2019 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Điều chỉnh một số nội dung khác theo thực tế thực hiện Dự án.

Điều 2. Ngoài nội dung điều chỉnh, các nội dung còn lại tại Quyết định số 3938/QĐ-UBND ngày 02/11/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án thành phần, Dự án “Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển” tại tỉnh Quảng Bình vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường; Nông nghiệp và PTNT; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện: Quảng Trạch, Bố Trạch, Quảng Ninh, Lệ Thủy; thị xã Ba Đồn, thành phố Đồng Hới và Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Chi cục Kiểm lâm ;
- Lưu VT, CVKT.

CHỦ TỊCH



Trần Công Thuật

